

Số: /BC-UBND

Lạc Phượng, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành Nghị định số 64/2014/NĐ-CP, Nghị định
124/2020/NĐ-CP, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP, Nghị định số 55/2022/NĐ-CP**

Thực hiện Công văn số 765/TTTP-VP ngày 02/4/2026 của Thanh tra thành phố Hải Phòng về việc báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 64/2014/NĐ-CP, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP và Nghị định số 55/2022/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân xã Lạc Phượng báo cáo kết quả thực hiện các Nghị định, cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

a) Trên cơ sở các quy định của Nghị định số 64/2014/NĐ-CP, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP và Nghị định số 55/2022/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân các xã Lạc Phượng, Quang Trung, Tiên Động trước khi sáp nhập và Ủy ban nhân dân xã Lạc Phượng sau sáp nhập đã chủ động quán triệt, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm đối với các bộ phận, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung các Nghị định được quan tâm triển khai bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng. Ủy ban nhân dân các xã (*trước sáp nhập*) đã tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến đến đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Bên cạnh đó, nội dung tuyên truyền được lồng ghép thông qua hệ thống thông tin điện tử, tài liệu hướng dẫn, sinh hoạt chuyên đề và các phương tiện truyền thông tại địa phương, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành của cán bộ và Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân xã đã bố trí đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật. Bộ phận tiếp công dân được duy trì thường xuyên, bảo đảm cơ sở vật chất, sổ sách, quy trình tiếp nhận và xử lý đơn thư theo quy định. Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, xác định trách nhiệm cụ thể; công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn được thực hiện chặt chẽ. Hoạt động tiếp nhận, phân loại, tham mưu xử lý và giải quyết đơn thư được triển khai kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp công

dân định kỳ và đột xuất, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết vụ việc ngay từ cơ sở.

d) Công tác kiểm tra, quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, bảo đảm việc tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại và giải quyết đơn thư thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hoạt động theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo tình hình được thực hiện nghiêm túc, kịp thời; qua đó phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã, góp phần hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

2. Thực hiện nhiệm vụ khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả

a) Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân xã đã rà soát, thực hiện việc tiếp nhận, phân loại, tham mưu xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền; hạn chế tình trạng chuyển đơn không đúng cơ quan có thẩm quyền; đồng thời tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và đối thoại với công dân.

b) Sau sáp nhập, Ủy ban nhân dân xã đã từng bước kiện toàn việc phân công nhiệm vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức; bảo đảm duy trì liên tục hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đồng thời quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn hóa hồ sơ, tài liệu và dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi, tổng hợp, báo cáo.

B. KẾT QUẢ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 64/2014/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 124/2020/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2019/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2022/NĐ-CP

I. KẾT QUẢ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 64/2014/NĐ-CP

1. Đánh giá ưu điểm, thuận lợi trong việc thực hiện Nghị định số 64/2014/NĐ-CP

a) Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm tổ chức triển khai thực hiện các quy định về tiếp công dân; ban hành nội quy, lịch tiếp công dân và phân công công chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Việc tiếp công dân thường xuyên, tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu được duy trì; thông tin về thời gian, địa điểm tiếp công dân được niêm yết công khai tại trụ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân đến liên hệ, phản ánh, kiến nghị.

b) Người đứng đầu Ủy ban nhân dân xã quan tâm thực hiện trách nhiệm tiếp công dân, trực tiếp lắng nghe, đối thoại, chỉ đạo xem xét, xử lý các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân. Thông qua công tác tiếp công dân, nhiều vụ việc được hướng dẫn, giải thích, xem xét, xử lý ngay từ cơ sở, góp phần hạn chế phát sinh khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

c) Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư từng bước được tăng cường; việc mở sổ theo dõi, quản lý hồ sơ, tài liệu và tham mưu xử lý vụ việc cơ bản được thực hiện theo quy định. Điều kiện phục vụ công tác tiếp công dân được quan tâm bố trí, góp phần bảo đảm hoạt động tiếp công dân được duy trì tương đối nền nếp, ổn định.

d) Việc triển khai thực hiện Nghị định số 64/2014/NĐ-CP đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác tiếp công dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; từng bước nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân, góp phần giữ vững ổn định tình hình tại địa phương.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 64/2014/NĐ-CP

2.1. Về công tác tiếp công dân tại cơ quan

Trong quá trình triển khai thực hiện, công tác tiếp công dân tại xã vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc. Ở một số thời điểm, số lượng vụ việc phát sinh tương đối nhiều, nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực như đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chế độ, chính sách xã hội, gây áp lực đối với công tác tiếp nhận, phân loại, tham mưu xử lý.

Bên cạnh đó, một bộ phận công dân chưa nắm đầy đủ quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, còn gửi đơn không đúng thẩm quyền, gửi đơn vượt cấp, gửi nhiều nơi, trùng lặp nội dung hoặc tiếp tục kiến nghị đối với những vụ việc đã được xem xét, giải quyết theo quy định, làm ảnh hưởng đến công tác tiếp nhận, xử lý và theo dõi vụ việc tại cơ sở.

2.2. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân

Công tác phối hợp giữa cấp xã với các cơ quan, đơn vị có liên quan, nhất là trong xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, có lúc chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ. Việc trao đổi, thống nhất hướng xử lý trong một số trường hợp còn chậm, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ tham mưu và giải quyết vụ việc.

Ủy ban nhân dân xã chưa có công chức chuyên trách làm công tác tiếp công dân; công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực. Vì vậy, quỹ thời gian dành cho công tác nghiên cứu hồ sơ, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và xử lý các tình huống phát sinh còn hạn chế, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2.3. Về điều kiện bảo đảm cho hoạt động tiếp công dân

Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân tại xã còn hạn chế, chưa thật sự đồng bộ. Phòng tiếp công dân, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn như máy tính, thiết bị hỗ trợ ghi nhận thông tin, phương tiện theo

đổi, lưu trữ hồ sơ còn thiếu hoặc chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

2.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin và bồi dưỡng nghiệp vụ

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tiếp công dân, quản lý, theo dõi đơn thư, tổng hợp số liệu và lập báo cáo còn hạn chế. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân chưa được tổ chức thường xuyên, dẫn đến việc cập nhật quy định pháp luật mới, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng tham mưu trong một số trường hợp còn chưa kịp thời.

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

a) Hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 64/2014/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan ở một số nội dung còn chưa thật sự cụ thể, đồng bộ; một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời.

b) Đặc thù của cấp xã là địa bàn quản lý rộng, dân cư đông, các vụ việc phát sinh chủ yếu liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, chế độ, chính sách xã hội; trong khi nguồn nhân lực còn hạn chế, công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân chủ yếu kiêm nhiệm, nên áp lực công việc lớn.

c) Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận công dân còn hạn chế; vẫn còn tình trạng gửi đơn không đúng thẩm quyền, gửi đơn vượt cấp, gửi đơn nhiều nơi, nội dung trùng lặp hoặc kéo dài đối với những vụ việc đã được xem xét, giải quyết theo quy định.

d) Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và hạ tầng phục vụ công tác tiếp công dân, quản lý hồ sơ, theo dõi đơn thư chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng tăng, tính chất vụ việc ngày càng phức tạp.

đ) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong một số thời điểm chưa thật sự chặt chẽ; việc trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ giải quyết vụ việc có lúc còn chậm. Đồng thời, công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân chưa được thực hiện thường xuyên, ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp và chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 124/2020/NĐ-CP

1. Đánh giá ưu điểm, thuận lợi trong việc thực hiện Nghị định số 124/2020/NĐ-CP

a) Việc triển khai thực hiện Nghị định số 124/2020/NĐ-CP trên địa bàn xã đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại và xử lý đơn thư. Nghị định đã tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ, rõ ràng và thống nhất, giúp các cơ quan, đơn vị có cơ sở áp dụng đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện, đặc biệt đối

với các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài. Đồng thời, các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong từng khâu giải quyết đã được xác định cụ thể, qua đó tăng cường tính chủ động, trách nhiệm phối hợp, hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

b) Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định cụ thể, chặt chẽ, thống nhất từ khâu tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xác minh, tổ chức đối thoại đến ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Việc chuẩn hóa quy trình đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức trong quá trình áp dụng, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định, giảm thiểu sai sót về mặt pháp lý. Công tác đối thoại với công dân được chú trọng, thực hiện nghiêm túc, góp phần làm rõ nội dung, bản chất vụ việc, tăng cường sự trao đổi trực tiếp giữa cơ quan nhà nước và người khiếu nại, từ đó nâng cao tính thuyết phục và tạo sự đồng thuận, hạn chế phát sinh khiếu kiện kéo dài.

c) Bên cạnh đó, việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại và cơ chế xử lý đối với trường hợp không chấp hành quyết định đã có chuyển biến tích cực. Các quyết định giải quyết khiếu nại được theo dõi, đôn đốc thực hiện nghiêm túc, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Nhờ đó, chất lượng và hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại tại địa phương từng bước được nâng cao, góp phần giữ vững ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 124/2020/NĐ-CP

a) Một số quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại tuy đã được quy định tương đối đầy đủ nhưng vẫn mang tính nguyên tắc chung, chưa có hướng dẫn chi tiết đối với các tình huống phát sinh đa dạng trong thực tiễn, đặc biệt là các vụ việc phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước hoặc có yếu tố lịch sử kéo dài qua nhiều thời kỳ.

b) Việc bảo đảm thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với các vụ việc cần xác minh qua nhiều cấp, nhiều cơ quan chuyên môn. Quá trình thu thập hồ sơ, tài liệu, chứng cứ; rà soát tính pháp lý của các quyết định hành chính trước đây; tổ chức xác minh thực địa và đối thoại với công dân thường kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết chung và tạo áp lực cho cơ quan tham mưu.

c) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong một số trường hợp chưa thật sự kịp thời, đồng bộ; việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác xác minh có lúc còn chậm, chưa đầy đủ. Điều này tác động trực tiếp đến chất lượng tham mưu, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và việc tổ chức thi hành quyết định sau khi ban hành.

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

a) Tính chất các vụ việc khiếu nại ngày càng phức tạp; nhiều vụ việc tồn đọng có yếu tố lịch sử, liên quan đến nhiều giai đoạn, nhiều cơ chế, chính sách khác nhau. Quá trình xem xét, giải quyết đòi hỏi phải xác minh thận trọng, thu

thập, đối chiếu hồ sơ, tài liệu qua nhiều cấp, nhiều ngành, làm gia tăng thời gian và khối lượng công việc.

b) Quy trình xác minh, giải quyết khiếu nại theo quy định còn gồm nhiều bước, thủ tục chặt chẽ; trong một số trường hợp phải xin ý kiến hoặc thẩm định của nhiều cơ quan có thẩm quyền trước khi ban hành quyết định giải quyết, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý, nhất là đối với các vụ việc phức tạp, nhạy cảm.

c) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có lúc chưa chặt chẽ, thiếu tính chủ động; việc trao đổi thông tin, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ giải quyết vụ việc còn chưa kịp thời. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân chưa nắm rõ quy định pháp luật, còn gửi đơn khiếu nại vượt cấp, kéo dài, gây áp lực cho công tác giải quyết tại cơ sở.

III. KẾT QUẢ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2019/NĐ-CP

1. Đánh giá ưu điểm, thuận lợi trong việc thực hiện Nghị định số 31/2019/NĐ-CP

a) Việc triển khai thực hiện Nghị định số 124/2020/NĐ-CP trên địa bàn xã đã tạo cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ, rõ ràng cho công tác giải quyết khiếu nại, giúp Ủy ban nhân dân xã và các bộ phận liên quan có căn cứ thống nhất để tổ chức thực hiện. Qua đó, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong từng khâu giải quyết khiếu nại được xác định cụ thể hơn, góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm phối hợp trong thực thi nhiệm vụ.

b) Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tương đối chặt chẽ, từ khâu tiếp nhận, thụ lý, xác minh, đối thoại đến ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức trong quá trình áp dụng. Việc thực hiện đúng quy trình đã góp phần hạn chế sai sót về trình tự, thủ tục, đồng thời nâng cao chất lượng tham mưu trong giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền.

c) Công tác đối thoại với công dân trong quá trình giải quyết khiếu nại được quan tâm thực hiện, góp phần làm rõ nội dung vụ việc, tăng cường trao đổi trực tiếp giữa cơ quan nhà nước và người khiếu nại, từ đó nâng cao tính thuyết phục, tạo sự đồng thuận trong quá trình giải quyết.

d) Việc theo dõi, đôn đốc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại từng bước được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại tại địa phương, giữ vững ổn định tình hình an ninh, trật tự và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 31/2019/NĐ-CP

a) Một số quy định của Nghị định còn mang tính nguyên tắc chung, chưa có hướng dẫn cụ thể đối với các tình huống phát sinh đa dạng trong thực tiễn, đặc biệt là các vụ việc tố cáo có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước hoặc có yếu tố lịch sử kéo dài. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình vận dụng, áp dụng thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị.

b) Trong quá trình thực hiện, việc phân loại nội dung tố cáo, xác định thẩm quyền giải quyết đôi khi còn gặp khó khăn, nhất là đối với các vụ việc có nội dung đan xen giữa khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh. Việc xác định đúng bản chất vụ việc để áp dụng trình tự, thủ tục phù hợp đòi hỏi nhiều thời gian rà soát, nghiên cứu. Công tác thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ xác minh tố cáo còn gặp trở ngại, đặc biệt đối với các vụ việc xảy ra từ lâu, hồ sơ, tài liệu không đầy đủ hoặc bị thất lạc.

c) Mặc dù Nghị định đã quy định rõ về thời hạn giải quyết tố cáo, song trên thực tế, việc bảo đảm tiến độ đối với các vụ việc phức tạp còn gặp nhiều khó khăn do phải tiến hành xác minh qua nhiều bước, nhiều cấp, nhiều ngành; có trường hợp phải trưng cầu ý kiến chuyên môn hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền khác. Điều này ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và tâm lý của người tố cáo.

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

a) Tính chất các vụ việc khiếu nại ngày càng phức tạp; nhiều vụ việc tồn đọng có yếu tố lịch sử, liên quan đến nhiều giai đoạn, nhiều cơ chế, chính sách khác nhau nên quá trình xem xét, giải quyết phải thực hiện thận trọng, qua nhiều bước xác minh, đối chiếu hồ sơ, tài liệu.

b) Quy trình giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật chặt chẽ, trong một số trường hợp phải phối hợp, xin ý kiến hoặc làm rõ thông tin từ nhiều cơ quan, đơn vị có liên quan, dẫn đến thời gian xử lý kéo dài.

c) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có lúc chưa thật sự chặt chẽ, chủ động; việc trao đổi thông tin, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ giải quyết vụ việc còn có thời điểm chưa kịp thời.

d) Một bộ phận công dân chưa nắm rõ quy định pháp luật về khiếu nại, còn gửi đơn vượt cấp, kéo dài, làm tăng áp lực cho công tác tiếp nhận, xử lý và giải quyết khiếu nại tại cơ sở.

IV. KẾT QUẢ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2022/NĐ-CP

1. Đánh giá ưu điểm, thuận lợi trong việc thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP

a) Việc triển khai thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP trên địa bàn xã đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực thanh tra chuyên ngành. Nghị định được ban hành kịp thời, bảo đảm tính đồng bộ với Luật Thanh tra, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng, giúp các cơ quan, đơn vị có căn cứ thống nhất trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hạn chế chồng chéo về chức năng, thẩm quyền.

b) Các quy định của Nghị định đã xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra chuyên ngành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Qua đó, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Thông qua hoạt động thanh tra, nhiều tồn tại, hạn chế

được phát hiện, chấn chỉnh kịp thời; góp phần phòng ngừa tiêu cực, sai phạm ngay từ cơ sở.

c) Bên cạnh đó, việc thực hiện Nghị định đã góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ từng bước được khoa học, tiết kiệm thời gian và chi phí; nâng cao chất lượng tham mưu, xử lý công việc. Nhờ đó, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn từng bước được củng cố, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, kỷ cương, liêm chính, phục vụ Nhân dân.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP

a) Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 55/2022/NĐ-CP vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc. Do đây là văn bản quy phạm pháp luật mới, trong thời gian đầu triển khai, một số nội dung quy định về phạm vi, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành chưa được nhận thức và áp dụng thật sự thống nhất, dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện tại cơ sở, nhất là trong việc xác định ranh giới giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra thường xuyên.

b) Đội ngũ cán bộ, công chức tại UBND xã thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra chủ yếu là kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, khối lượng công việc lớn, trong khi chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ thanh tra. Điều này ảnh hưởng nhất định đến chất lượng tham mưu, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra. Công tác giám sát, theo dõi việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn có thời điểm chưa thường xuyên, thiếu tính chủ động, chưa kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm ngay từ đầu.

c) Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nghị định đến cán bộ, công chức và Nhân dân còn hạn chế về hình thức và phương pháp triển khai; chủ yếu thực hiện thông qua hội nghị hoặc lồng ghép trong các cuộc họp, chưa đa dạng hóa kênh truyền thông. Vì vậy, mức độ nhận thức và chấp hành quy định pháp luật của một số tổ chức, cá nhân trên địa bàn chưa đồng đều, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi Nghị định trong thực tế.

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

- Nghị định là văn bản mới được ban hành trong bối cảnh hệ thống pháp luật về thanh tra có nhiều điều chỉnh, bổ sung. Một số văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành chưa được ban hành đầy đủ hoặc chưa được triển khai đồng bộ, kịp thời đến cơ sở, dẫn đến việc nghiên cứu, quán triệt và áp dụng trong thực tiễn còn lúng túng, chưa thống nhất.

- Công tác tổ chức thực hiện tại một số thời điểm chưa thực sự chủ động; việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong triển khai nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra còn có lúc chưa chặt chẽ, thiếu cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra và các quy định của Nghị định tuy đã được quan tâm triển khai nhưng chưa thực sự thường xuyên, liên tục; hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa đa dạng, chưa phát huy tối đa hiệu quả truyền thông, dẫn đến nhận thức và mức độ chấp hành của một bộ phận cán bộ, công chức và Nhân dân chưa đồng đều.

C. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC NGHỊ ĐỊNH

I. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 64/2014/NĐ-CP

1. Hoàn thiện quy định pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện

a) Đề nghị tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định theo hướng cụ thể, rõ ràng, dễ áp dụng, phù hợp hơn với thực tiễn tổ chức tiếp công dân tại cơ sở; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan nhằm hạn chế cách hiểu, cách vận dụng khác nhau giữa các địa phương.

b) Đề nghị tăng cường hướng dẫn về tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp và chế độ thông tin, báo cáo trong công tác tiếp công dân; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả tổ chức thực hiện, qua đó nâng cao tính chủ động, kịp thời và hiệu quả trong xử lý vụ việc ngay từ cơ sở.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ

a) Đề nghị quan tâm hơn đến việc bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, bảo đảm phù hợp về năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng xử lý tình huống.

b) Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức pháp luật để nâng cao chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền và ứng dụng công nghệ thông tin

a) Đề nghị đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo bằng các hình thức phù hợp, giúp người dân nắm rõ quyền, nghĩa vụ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền thực hiện; qua đó góp phần hạn chế tình trạng gửi đơn vượt cấp, trùng lặp, kéo dài.

b) Đề nghị gắn việc hoàn thiện Nghị định với yêu cầu cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và xử lý đơn thư; đồng thời quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tiếp công dân tại cấp cơ sở.

II. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 31/2019/NĐ-CP

1. Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo

a) Đề nghị tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn mang tính khung, thiếu cụ thể, nhất là đối với trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo trong các vụ việc phức tạp, có nhiều nội dung đan xen hoặc liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều cơ quan.

b) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hoàn thiện quy định về phân loại, xử lý và thẩm quyền giải quyết tố cáo

a) Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về việc phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền giải quyết đối với các vụ việc có yếu tố liên ngành, liên cấp.

b) Hướng dẫn rõ hơn đối với việc xử lý đơn tố cáo có nhiều nội dung, nhiều lĩnh vực; cũng như các trường hợp cần gia hạn thời hạn giải quyết để phù hợp hơn với thực tiễn.

3. Nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện

a) Đề nghị quy định rõ hơn trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong từng khâu của quá trình giải quyết tố cáo, từ tiếp nhận, xác minh, kết luận đến xử lý.

b) Tăng cường cơ chế kiểm soát tiến độ, khắc phục tình trạng chậm giải quyết, kéo dài hoặc né tránh trách nhiệm.

4. Hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tố cáo và công khai kết quả giải quyết

a) Đề nghị tiếp tục hoàn thiện các quy định về bảo vệ người tố cáo, nhất là cơ chế phối hợp trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo.

b) Đồng thời tăng cường chế tài xử lý đối với các hành vi trả thù, trù dập người tố cáo.

c) Đề nghị quy định cụ thể hơn về việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý và hình thức công khai phù hợp; bảo đảm vừa tạo điều kiện để Nhân dân giám sát, vừa giữ bí mật thông tin của người tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Nâng cao năng lực đội ngũ và hiệu quả tổ chức thực hiện

a) Đề nghị tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng xác minh, xử lý tố cáo cho đội ngũ cán bộ, công chức; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tố cáo để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

b) Việc hoàn thiện Nghị định cần theo hướng cụ thể, khả thi, sát thực tiễn, gắn với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao trách nhiệm công vụ; qua đó nâng cao hiệu quả giải quyết tố cáo, phòng ngừa vi phạm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

III. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 124/2020/NĐ-CP

1. Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại

a) Đề nghị tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn mang tính khái quát, khó áp dụng, nhất là đối với trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong các vụ việc phức tạp, đông người, kéo dài, có yếu tố lịch sử; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về phân định thẩm quyền giải quyết khiếu nại, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình xác minh, đối thoại, tham mưu ban hành và tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, nhằm hạn chế chồng chéo, kéo dài thời gian xử lý.

2. Chuẩn hóa quy trình tổ chức thực hiện

a) Đề nghị tiếp tục chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, thụ lý, xác minh, đối thoại và giải quyết khiếu nại.

b) Tăng cường hướng dẫn người dân thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, góp phần giảm sai sót trong quá trình xử lý và hạn chế phát sinh khiếu nại vượt cấp.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức

a) Đề nghị tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng giải quyết khiếu nại, kỹ năng đối thoại, xác minh, rà soát hồ sơ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu.

b) Quan tâm bố trí nhân lực phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại tại cơ sở.

4. Định hướng hoàn thiện chung

a) Việc hoàn thiện Nghị định cần theo hướng cụ thể, khả thi, sát thực tiễn, gắn với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao trách nhiệm công vụ.

b) Qua đó nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và giữ vững ổn định tình hình tại địa phương.

IV. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2022/NĐ-CP

1. Hoàn thiện quy định về quản lý, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu

a) Đề nghị tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn mang tính khái quát, chưa thật cụ thể trong quá trình cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; bảo đảm thuận lợi, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện tại cơ sở.

b) Đề nghị hoàn thiện hơn các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, cập nhật, kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

2. Tăng cường điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện

a) Đề nghị quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, đường truyền và các điều kiện cần thiết phục vụ việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tại cấp cơ sở.

b) Đối với dữ liệu, hồ sơ được hình thành qua nhiều thời kỳ, đề nghị có hướng dẫn cụ thể hơn về rà soát, chuẩn hóa, số hóa, cập nhật và đồng bộ dữ liệu, nhất là trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính và kiện toàn tổ chức bộ máy.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức

a) Đề nghị tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại cấp cơ sở.

b) Quan tâm bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời có cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời trong quá trình vận hành, sử dụng hệ thống, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức thực hiện.

4. Tăng cường hướng dẫn, phối hợp và ứng dụng công nghệ thông tin

a) Đề nghị tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện, nhằm bảo đảm việc cập nhật, quản lý, khai thác dữ liệu được kịp thời, thống nhất và hiệu quả.

b) Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, tổng hợp và báo cáo về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng tham mưu và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại địa phương.

Trên đây là báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 64/2014/NĐ-CP, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP và Nghị định số 55/2022/NĐ-CP của Ủy ban nhân dân xã Lạc Phượng./.

Nơi nhận:

- Thanh tra TP;
- TT.Đảng ủy xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Thắng